

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 03/9/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Hiền**.

2. Bà **Nguyễn Thị Loan**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Nhung**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **03** tháng **9** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 286/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Hật X**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BN, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TB, huyện CL, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Hật X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị sống chung với gia đình chồng tại ấp TH, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Năm 2004, vợ chồng chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp BN, xã TB sinh sống. Vợ chồng anh chị sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về chửi mắng và đánh đập chị rất nhiều lần. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hật X yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/9/2001, Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 27/11/2003 và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 19/01/2009. Khi ly hôn, chị Nguyễn Hát X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Hát X.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hát X và anh Nguyễn Văn N. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/9/2001 và cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 27/11/2003 cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 19/01/2009 cho chị Nguyễn Hát X nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có, không xem xét giải quyết; chị X phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hát X và anh Nguyễn Văn N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000, chị Nguyễn Hạt X và anh Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời gian 02 năm (từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, chị Nguyễn Hạt X và anh Nguyễn Văn N vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hạt X và anh Nguyễn Văn N đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên quan hệ giữa chị Nguyễn Hạt X và anh Nguyễn Văn N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/9/2001, Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 27/11/2003 và Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 19/01/2009. Khi ly hôn, chị Nguyễn Hạt X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Hạt X cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[5] Xét, tính đến thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Văn Kh và cháu Nguyễn Thị Thủy T đã trên 7 tuổi, trong đó cháu Nguyễn Thị N và cháu Nguyễn Văn Kh có nguyện vọng được sống với anh Nguyễn Văn N, riêng cháu Nguyễn Thị Thủy T có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn Hạt X. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Kh cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng; chị Nguyễn Hạt X nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thủy T, là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Hạt X không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con và anh Nguyễn Văn N cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hạt X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị Nguyễn Hạt X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Hạt X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hát X và anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/9/2001 và cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 27/11/2003 cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 19/01/2009 cho chị Nguyễn Hát X nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Hát X và anh Nguyễn Văn N có quyền quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không giải quyết;

- Về án phí: Chị Nguyễn Hát X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16782 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Hát X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm